

NHÓM 3

Đoàn Khánh Tuyên	THCS Nguyễn Khuyến
Trương Văn Cường	THCS Nguyễn Khuyến
Nguyễn Văn Tuân	THCS Nguyễn Khuyến
Nguyễn Tiến Mừng	THCS Nguyễn Khuyến
Phạm Văn Hiến	THCS Nguyễn Khuyến
Nguyễn Trường Sơn	THCS Nguyễn Khuyến
Dương Đức Huân	THCS Mạc Đĩnh Chi
Nguyễn Thị Hiền	THCS Mạc Đĩnh Chi

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 TOÁN LỚP 7

Môn: Toán 7

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Kiểm tra đáp ứng các yêu cầu cần đạt:

- Tập hợp số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ, cách biểu diễn, so sánh hai số hữu tỉ.
- Cộng trừ nhân chia và thứ tự thực hiện phép tính trong tập hợp số hữu tỉ.
- Lũy thừa của số hữu tỉ
- Quy tắc chuyển về đối dấu.

- Số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn hoặc không tuần hoàn, căn bậc hai số học.
- Quy tắc làm tròn.
- Giá trị tuyệt đối của một số.
- Hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.
- Tia phân giác của một góc.
- Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.
- Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song.
- Định lý và chứng minh định lý.
- Ba trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh, cạnh – góc – cạnh và góc – cạnh – góc của hai tam giác.

2. Về năng lực:

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : học sinh tự hoàn thành được các nhiệm vụ bài kiểm tra.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh giải quyết được vấn đề trong quá trình giải quyết nhiệm vụ học tập.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học:
 - + Thực hiện lập luận hợp lý để tìm ra số đối phản ứng nhanh nhiều nhất có thể chia được.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:
 - + Sử dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề.
- Năng lực giao tiếp toán học: sử dụng được ngôn ngữ toán học để diễn đạt các nội dung toán học và trình bày lời giải.
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học:
 - Hs biết dùng dụng cụ học tập để vẽ hình. Hs biết dùng máy tính để tính toán.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập

II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7 (TUẦN 10)

TT	Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ (17 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2 0,5đ	1 0,5đ							3 10%
		Các phép tính với số hữu tỉ			2 0,5đ	1 0,5đ		2 1đ		2 1đ	7 30%
		Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	1 0,25đ		1 0,25đ	1 0,5đ					3 10%
2	Góc và đường thẳng song song (13 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	2 0,5đ								2 5%
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	2 0,5đ		2 0,5đ	1 1,0đ					5 20%
		Định lí và chứng minh định lí		1 0,5đ		1 0,75đ					2 12,5%
3	Tam giác bằng nhau	Trường hợp bằng nhau của tam giác.						2 1,25đ			2 12,5%

	(9 tiết)										
Tổng			7 1,75đ	2 1,0đ	5 1,25đ	4 2,75đ		4 2,25đ		2 1đ	24 10
Tỉ lệ %			27,5%		40%		22,5%		10%		100%
Tỉ lệ chung			67,5%				32,5%				100

III. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Số hữu tỉ	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2 TN 1 TN			
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.		2TN 1TL		

			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).			2TL	
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				2TL
		Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.	1 TN			

			Thông hiểu: – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.		1 TN 1 TL		
	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết : – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	2TN			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	2TN			
			Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		2TN 1TL		
		Định lí và chứng minh định lí	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lí.	1TL			
			Thông hiểu: - Hiểu được phần chứng minh của một định lí;		1TL		
			Vận dụng:			2	

			– Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...).			TL	
				9	9	4	2
				27,5%	40%	22,5%	10%
				67,5%		32,5%	
Tổng							
Tỉ lệ %							
Tỉ lệ chung							

PHÒNG GD-ĐT CHƯ SÊ

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

ĐỀ BÀI (Học sinh làm bài trên giấy kiểm tra)**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (3,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng.**Câu 1.** Kết quả Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $-0,5 \in \mathbb{Q}$. B. $\frac{-3}{2} \notin \mathbb{Z}$. C. $-1 \in \mathbb{N}$. D. $\frac{-3}{2} \in \mathbb{Q}$.

Câu 2. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. Số đối của $\frac{2}{7}$ là $-\frac{2}{7}$. B. Số đối của $\frac{2}{7}$ là $\frac{7}{2}$.
C. Số đối của $\frac{2}{7}$ là $-\frac{2}{7}$. D. Số đối của $\frac{2}{7}$ là $-\frac{2}{7}$.

Câu 3. Kết quả của phép tính: $-10 - 7$ là:

- A. 3 ; B. 17 ; C. - 17 ; D. - 3 .

Câu 4. Kết quả của phép tính: $\frac{5}{2} - (-\frac{3}{2})$ là:

- A. $\frac{1}{2}$; B. $\frac{3}{2}$; C. 2 ; D. 4 .

Câu 5. Kết quả phép nhân $(-3)^6 \cdot (-3)^2$ là:

- A. $(-3)^{12}$; B. 3^8 ; C. 9^8 ; D. 9^{12} .

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\left(\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^3$ là:

A. $\left(\frac{1}{2}\right)^2$ B. $\left(\frac{1}{2}\right)^3$ C. $\left(\frac{1}{2}\right)^5$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 7. Chọn câu đúng trong các câu sau:

- A. Hai góc có chung một đỉnh là hai góc đối đỉnh;
- B. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau;
- C. Hai góc có chung một đỉnh và bằng nhau là hai góc đối đỉnh;
- D. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.

Câu 8. Cho đường thẳng d và điểm O nằm ngoài đường thẳng d

- A. Có một và chỉ một đường thẳng đi qua O và song song với d ;
- B. có vô số đường thẳng đi qua O và song song với d ;
- C. có hai đường thẳng đi qua O và song song với d ;
- D. không có đường thẳng nào đi qua O và vuông góc với d .

Câu 9. Nếu $a // b$ và $a \perp c$ thì:

- A. $c // a$; B. $c // b$; C. $c \perp b$; D. $a \perp b$.

Câu 10. Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong:

- A. Bằng nhau ; B. Bù nhau ; C. Kề nhau ; D. Kề bù.

Câu 11. Tam giác ABC có góc $A = 30^\circ$, góc $B = 70^\circ$ thì góc C bằng:

- A. 100° B. 90° C. 80° D. 70°

Câu 12. Cho đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:

- A. $a // b$ B. a cắt b C. $a \perp b$ D. a trùng với b

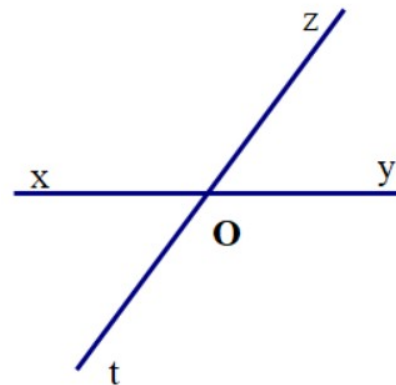
II. PHẦN TỰ LUẬN. (7,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-5}{9} + \frac{7}{9}$ b) $\frac{-2}{5} - \frac{3}{4}$ c) $3,25 + \left(\frac{2}{3}\right)^3 \cdot 18 - 2 : \frac{6}{-5}$

Bài 2: (1,5 điểm) a) Hãy viết biểu thức $12^5 : 6^5$ về dạng lũy thừa của một số hữu tỉ.

b) So sánh: 1) 2^{300} và 3^{200}



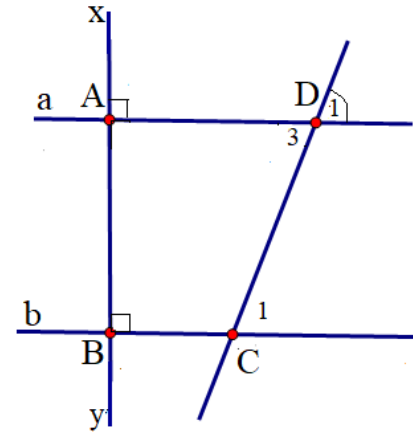
$$2) \left(-\frac{1}{4}\right)^8 \text{ và } \left(\frac{1}{8}\right)^5$$

Bài 3: (2,0 điểm)

- Kể tên 1 cặp góc đối đỉnh và 1 cặp góc kề bù hình bên.
- Chứng minh định lý "Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau".

Bài 4: (0,75 điểm) Cho hình vẽ.

- Hãy giải thích vì sao $a \parallel b$?
- Biết $\widehat{D_1} = 70^\circ$, tính $\widehat{C_1}$; $\widehat{D_3}$



Bài 5: (1,25 điểm) Cho tam giác ABC, biết $AB = AC$.

Gọi M là trung điểm của BC. Chứng minh rằng:

- $\triangle AMB = \triangle AMC$.
- $AM \perp BC$.

Họ và tên:.....Lớp:.....

_____ **Hết** _____

HƯỚNG DẪN CHẤM. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I.

Môn: Toán 7

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

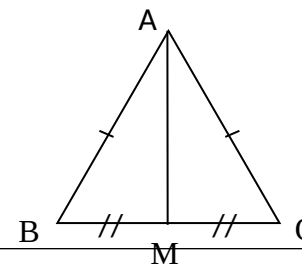
Đề số 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đề số 1	C	B	C	D	B	C	B	A	C	A	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN :

Câu	Đáp án	Thang điểm
Bài 1: (1,5 điểm)	a) $\frac{-5}{9} + \frac{7}{9} = \frac{-5+7}{9} = \frac{2}{9}$ b) $\frac{-2}{5} - \frac{3}{4} = \frac{-8}{20} - \frac{15}{20} = \frac{-8-15}{20} = \frac{-23}{20}$	0,5 0,5

	c) $3,25 + \left(\frac{2}{3}\right)^3 \cdot 18 - 2 : \frac{6}{-5} = 3,25 + \frac{8}{27} \cdot 18 - 2 \cdot \frac{-5}{6}$ $= 3,25 + \frac{16}{3} + \frac{5}{3} = 10,25$	0,25 0,25
Bài 2: (1,5 điểm)	a) $12^5 : 6^5 = (12:6)^5 = 2^5$ b) So sánh: 1) Ta có $2^{300} = 8^{100}$ và $3^{200} = 9^{100} \Rightarrow 2^{300} < 3^{200}$ 2) $\left(-\frac{1}{4}\right)^8$ và $\left(\frac{1}{8}\right)^5$ Ta có $\left(-\frac{1}{4}\right)^8 = \left(\frac{1}{4}\right)^8 = \left(\frac{1}{2}\right)^{16}$ và $\left(\frac{1}{8}\right)^5 = \left(\frac{1}{2}\right)^{15}$ $\Rightarrow \left(\frac{1}{2}\right)^{16} < \left(\frac{1}{2}\right)^{15} \Rightarrow \left(-\frac{1}{4}\right)^8 < \left(\frac{1}{8}\right)^5$	0,5 0,5 0,25 0,25
Bài 3: (2,0 điểm)	a) Viết đúng 1 cặp góc đối đỉnh Viết đúng 1 cặp góc kề bù. b) Chứng minh định lý "Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau".	0,5 0,5 1,0
Bài 4: (0,75 điểm)	c) Giải thích a//b đúng. d) Biết $\widehat{D}_1 = 70^\circ$, tính đúng $\widehat{E}_1 = 70^\circ$ $\widehat{D}_3 = 70^\circ$	0,25 0,25 0,25
Bài 5: (1,25	Vẽ hình, ghi GT-KL đúng	0,5



<i>điểm)</i>	Chứng minh đúng: a) $\triangle AMB = \triangle AMC$. b) $AM \perp BC$.	0,5 0,25
--------------	---	------------------------